

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/ HS-ST  
Ngày: 24 / 9 / 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lư Thị Châu Ngọc.

*Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Trọng Điền;
2. Bà Võ Thị Thanh Phương.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa:*** Ông Lương Văn Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 82/2020/HSST ngày 03 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Phạm Minh D, sinh năm 1971, Quê quán: K, An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 15, khóm T, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Chạy xe ôm; Trình độ học vấn: 4/12; con ông Phạm Văn P (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ Mai Thị U, sinh năm 1985; có 03 người con, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em có 05 người, bị cáo là người cuối cùng.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 15/01/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố VT, tỉnh VTg kết án 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 05/6/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) K, tỉnh An Giang kết án 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt 06 năm 09 tháng tù; chấp hành xong, được xóa án tích.

- Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/7/2020 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

***Bị hại:*** Ông Lê Duy L, sinh năm 1999; nơi cư trú: Ấp C, xã D, huyện F, tỉnh An Giang, vắng mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Tổ 10, khóm T, phường VM, TP K, tỉnh An Giang, vắng mặt.

Người làm chứng:

1. Lê Hữu Y, sinh năm 1989; vắng mặt.
2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1992; vắng mặt.
3. Đặng Văn T, sinh năm 1993; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 12/7/2020, D vào khu vực các chuyên khoa điều trị, bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang (thuộc tổ 10, khóm T, phường VM, thành phố K), tìm sơ hở của người nuôi bệnh, lấy trộm tài sản; khi đến khu vực khoa nhiễm Bệnh viện, thấy Lê Duy L nằm ngủ, bên cạnh có 01 điện thoại di động, nhãn hiệu XIAOMI REDMI note 5 – 64G, màu vàng, D lấy trộm, tẩu thoát đến tầng 2 Bệnh viện, cất giấu, bị Lê Hữu Y, Nguyễn Văn N và Đặng Văn T là các Bảo vệ Bệnh viện xem Camera quan sát Bệnh viện, phát hiện, báo tin cho Cơ quan Công an, D đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội.

Vật chứng thu giữ do Lê Thị T3 giao nộp: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu XIAOMI REDMI note 5 – 64G, màu vàng, gắn sim mạng viễn thông Viettel 4G (đã trao trả cho bị hại).

Căn cứ kết luận định giá tài sản trong tổ tụng Hình sự thành phố K số 171/KL-ĐG, ngày 13/7/2020, ghi nhận: điện thoại di động, nhãn hiệu XIAOMI REDMI note 5 – 64G, trị giá 2.600.000 đồng.

Ngày 14/7/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố K đã ban hành Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phạm Minh D về tội “*trộm cắp tài sản*”.

Cáo trạng số 80/CT-VKS ngày 31 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo D khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội:

+ Bị cáo Phạm Minh D có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh L, trị giá tài sản chiếm đoạt 2.600.000 đồng. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố bị cáo Phạm Minh D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo

khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người đúng tội, đúng pháp luật. Do đó giữ nguyên Cáo trạng của Viện kiểm sát.

+ Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; ngay khi bị phát hiện, bắt giữ cũng đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội; tài sản lấy trộm đã được thu hồi nguyên vẹn, trả lại cho bị hại. Vì vậy, khi lượng hình đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét đối với bị cáo Phạm Minh D được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” và “*Đầu thú*”, quy định tại các điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

a) Về trách nhiệm hình sự:

\* Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Minh D từ 01 năm đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

\* Về Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không nghề nghiệp ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

b) Xử lý vật chứng: Không.

c) Trách nhiệm dân sự: Không.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*Về tố tụng:*

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

[2] Sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định tiến hành xét xử.

### *Về nội dung,*

[3] Hành vi phạm tội: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận do cần tiền tiêu xài cho cá nhân, nên khoảng 01 giờ ngày 12/7/2020 bị cáo D đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh An Giang thuộc tổ 10, khóm T, phường VM, thành phố K, tỉnh An Giang, tìm tài sản lấy trộm. Đến khoảng 02 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi lên tầng 7 của Bệnh viện, D phát hiện anh Lê Duy L đang nằm ngủ trong phòng bệnh khoa nhiễm, bên cạnh có 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi redmi Note 5 – 64G, màu vàng. D lén vào phòng lấy trộm điện thoại này giấu vào túi quần rồi đi ra ngoài. Do sợ bị phát hiện nên khi xuống đến tầng 2, D lấy điện thoại ra giấu trên chiếc xe đẩy cạnh nhà vệ sinh của khoa sản với ý định sẽ quay lại lấy sau đó. Tuy nhiên sau đó bị cáo biết hành vi của mình bị phát hiện nên D đi đến Công an phường VM, thành phố K đầu thú.

[4] Xét lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản, bản ảnh khám nghiệm hiện trường; lời khai bị hại Lê Duy L; những người làm chứng Lê Hữu Y, Nguyễn Văn N, Đặng Văn T và Lê Thị T3, và còn phù hợp với những tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan điều tra thu thập đúng trình tự, thủ tục luật định.

[5] Từ các căn cứ trên, có cơ sở xác định bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt điện thoại di động của anh L, trị giá tài sản 2.600.000 đồng. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố Phạm Minh D về tội trộm cắp tài sản là có căn cứ.

[6] Quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng đối với con người. Để được sở hữu tài sản người lao động phải trải qua quá trình lao động vất vả có thể qua nhiều thế hệ mới tạo lập được. Cho nên, quyền sở hữu được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực hình sự, những ai có hành vi xâm phạm quyền sở hữu của người khác đáp ứng quy định của pháp luật sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, phải cố gắng lao động tạo ra tài sản chính đáng cho bản thân nhưng vì háms lợi, bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thể hiện sự xem thường pháp luật không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về xem xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động, học lực thấp; bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại;

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đầu thú hành vi phạm tội của mình theo quy định tại các điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[8] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo; do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Duy L đã nhận lại tài sản mất trộm là điện thoại di động, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

*Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

Xử phạt: Phạm Minh D: 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày 12/7/2020 (mười hai tháng bảy năm hai nghìn không trăm hai mươi).

*Căn cứ Điều 135, 136 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Buộc bị cáo Phạm Minh D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông L, bà T3 là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà tạm giữ (2);
- Phòng hồ sơ (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lư Thị Châu Ngọc**